|  |  |
| --- | --- |
| Tuần 25Tiết 43 | **ÔN TẬP GIỮA KÌ** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1. Về kiến thức:**

- Tiềm năng phát triển kinh tế của Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long

- Thế mạnh kinh tế của mỗi vùng, những tồn tại và các giải pháp khắc phục khó khăn

- Vai trò của vùng kinh tế trọng điểm ở phía Nam đối với sự phát triển kinh tế của hai vùng

**2. Về kĩ năng:** Rèn kĩ năng tổng hợp, phân tích, liên hệ các kiến thức địa lí; vẽ biểu đồ hình cột, hình tròn

**3. Về thái độ:** HS có ý thức bảo vệ môi trường sống và ý thức phát triển kinh tế.

**4. Định hướng phát triể̉n năng lực:**

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng biểu đồ, lược đồ, số liệu thống kê, hình vẽ…

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Đối với giáo viên**

- Lược đồ tự nhiên, kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu long

**2. Đối với học sinh**

- Sách, vở, đồ dùng học tập

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

**1. Mục tiêu:** HS nắm được vài nét về mối quan hệ chặt chẽ giữa các vấn đề dịa lí

**2. Phương pháp - kĩ thuật:** Vấn đáp qua tranh ảnh, lược đồ - Cá nhân, thảo luận cặp.

**3. Phương tiện:** máy tính, ti vi

**4. Các bước hoạt động**

**B1**: Giao nhiệm vụ: hs xem số hình ảnh về địa lí dân cư - kinh tế và nêu mối quan hệ giữa chúng

**B2**: HS xem và trả lời bằng hiểu biết của mình.

**B3** : HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét.

**B4**: GV dẫn dắt HS vào bài: Để giúp các em hệ thống lại kiến thức đã học một cách lôgic và chuẩn bị cho việc kiểm tra kiến thức của các em vào giờ sau. Hôm nay chúng ta tiến hành ôn tập vùng ĐNB và ĐBSCL

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 1:** **Hoàn thành bảng kiến thức**

*1. Mục tiêu:* - HS tự hoàn thiện các kiến thức cơ bản về vùng ĐNB và ĐBSCL

*2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:* PP trực quan, vấn đáp, … KT học tập hợp tác …

*3. Hình thức tổ chức:* nhóm

**B1:Giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu các nhóm hoàn thiện vào bảng sau:

* ***Nhóm 1: Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và dân cư vùng Đông Nam Bộ.***
* ***Nhóm 2: Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và dân cư vùng Đồng bằng sông Cửu Long.***
* ***Nhóm 3: Tình hình phát triển kinh tế, các trung tâm kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.***
* ***Nhóm 4: Tình hình phát triển kinh tế, các trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.***

**B2:**HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ…

**B3***:* HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4***:* GV đánh giá và chuẩn xác kiến thức

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng kinh tế** |  **Đông Nam Bộ** |  **Đồng bằng sông Cửu Long** |
| ***Điều*** ***kiện******tự******nhiên******và******tài******nguyên******thiên******nhiên*** | ***Địa hình*** | Đồi thấp, sườn thoải --> thuận lợi cho xây dựng và canh tác | Đồng bằng châu thổ rộng, thấp, bằng phẳng --> ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống |
| ***Sông ngòi*** | Sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn. Có tiềm năng về thủy điện | Hệ thống sông Cửu long và mạng lưới kênh rạch chằng chịt.Có vai trò quan trọng đ/ với sự phát triển KT của vùng |
| ***Khí hậu*** | Nhiệt đới cận xích đạo , lượng mưa phân hóa sâu sắc theo mùa | Cận xích đạo, nóng ẩm quanh năm |
| ***Đất trồng*** | Chủ yếu là đất xám , đất đỏ ba dan. Th. hợp trồng cây CN và cây ăn quả | Đất phù sa nước ngọt, đất phèn, đất mặn |
| ***Lâm sản*** | Rừng cận xích đạo ( Còn ít ) | Rừng ngập mặn có diện tích lớn |
| ***Thủy sản*** | Có nguồn thủy sản nước mặn phong phú | Phong phú cả thủy sản nước mặn lẫn nước ngọt |
| ***Khoáng sản*** |  Chủ yếu là dầu mỏ, khí đốt |  Đá vôi, than bùn |
| ***TN du lịch*** |  Phong phú |  Phong phú |
| ***Dân cư******Xã hôi*** | Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, lành nghề năng độngĐời sống nhân dân cao hơn so với các vùng khác | Dân cư đông,người lao động thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hóaĐời sống nhân dân còn nhiều khó khăn |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tình*** ***hình******phát******triển******kinh******tế*** | ***Nông******nghiệp*** | Là vùng trồng cây CN quan trọng nhất nước, đặc biệt là cây cà phêChăn nuôi gia cầm, gia súc theo phương pháp công nghiệp Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đem lại nguồn lợi lớn | Giữ vai trò hàng đầu trong việc đảm bảo an toàn lương thực cũng như xuất khẩu lương thực, thực phẩm của cả nướcChăn nuôi vịt đàn phát triển mạnhVùng trồng cây ăn quả lớn nhất |
| ***Công*** ***nghiệp*** | Chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDPCơ cấu đa dạng: CN nặng, CN nhẹ, Chế biến LTTP, dầu khí , điện tử, công nghệ caoCác trung tâm: TP. HCM, Biên Hòa , Vũng Tàu | Chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu GDPGần đây công nghiệp chế biến phát triển mạnh và phân bố rông khắpTrung tâm lớn: Cần Thơ |
| ***Dịch*** ***Vụ*** | Phát triển mạnh giao thông vận tải , thương mại và du lịch | Phát triển mạnh hoạt động du lịch, xuất khẩu nông thủy sản |
| ***Các trung tâm kinh tế*** | TP. HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu | Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau |

\* **HOẠT ĐỘNG 2. Nắm lại các dạng biểu đồ cơ bản**

*1. Mục tiêu:* - HS nắm lại các dạng biểu đồ cơ bản

*2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:* PP trực quan, vấn đáp, … KT học tập hợp tác …

*3. Hình thức tổ chức:* Cá nhân

**B1:Giao nhiệm vụ**

GV gọi học sinh nhắc lại cách lập biểu đồ hình cột, hình tròn

**B2:**HS thực hiện nhiệm vụ

**B3***:* HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4***:* GV đánh giá và chuẩn xác kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**:

- Nhận xét việc chuẩn bị bài và quá trình ôn tập của cả lớp.

- HS tự hệ thống lại các kiến thức bằng Sơ đồ tư duy

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG/MỞ RỘNG**

- Hoàn thiện các bài tập trong tập bản đồ Địa lí 9.

- Chuẩn bị đánh giá giữa kì.

**RÚT KINH NGHIỆM:**

…………………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………..